

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCG, POM

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và chỉ mua trở lại trong các nhịp điều chỉnh về quanh các vùng hỗ trợ

28/08/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,201.72	+1.55
VN30	1,213.40	+1.63
HĐTL VN30F1M	1,211.00	+1.38
HNXIndex	244.88	+0.82
HNX30	509.35	+1.65
UPCoM	91.73	+0.79
USD/VND	24,040	+0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.55	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+12
Dầu (WTI, \$)	80.25	+0.53
Vàng (LME, \$)	1,914.14	-0.04



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,201.72 (+1.55%)  
**KLGD (triệu CP)** 763.5 (-1.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 824.4 (-3.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại DGC (+5.01%), DXG (+5.24%), VNM (+4.01%).

**HNXIndex** 244.88 (+0.82%)  
**KLGD (triệu CP)** 99.7 (+1.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 72.9 (-1.4%)

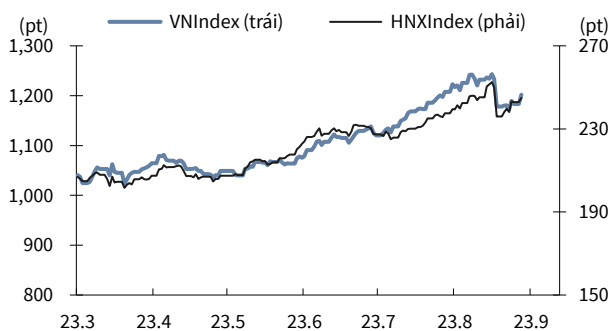
Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam giữ vững vị trí cao nhất thế giới với giá gạo 5% tấm ở mức 638 USD/tấn; gạo 25% tấm ở mức 623 USD/tấn. Cổ phiếu ngành lúa gạo tăng giá ở TAR (+1.56%), LTG (+1.06%).

**UPCoM** 91.73 (+0.79%)  
**KLGD (triệu CP)** 36.6 (-44.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 22.9 (-11.7%)

Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.31% lên 80.08 USD/thùng vào lúc 7h29 (giờ Việt Nam), trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 11 tăng tăng 0.21% lên 84.13 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở BSR (+2.15%), PLX (+1.6%).

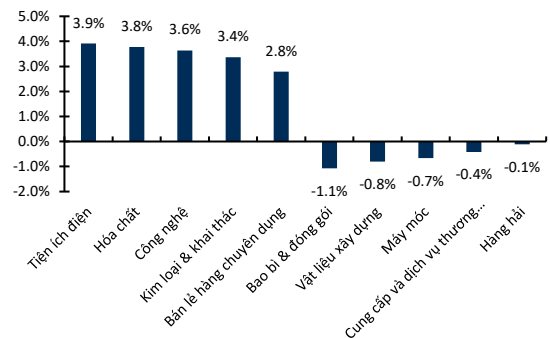
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +4.3

## VNIndex & HNXIndex



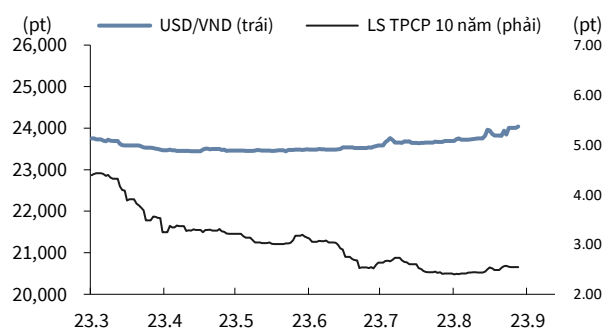
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

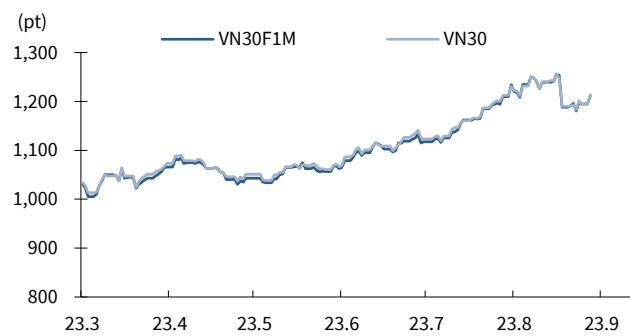
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,213.40 (+1.63%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,211.0 (+1.38%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,201.6</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,214.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,198.1</b>

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2308 và VN30 mở cửa tại 8.87, sau đó biến động quanh mức -0.17 điểm và đóng cửa tại -2.4 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

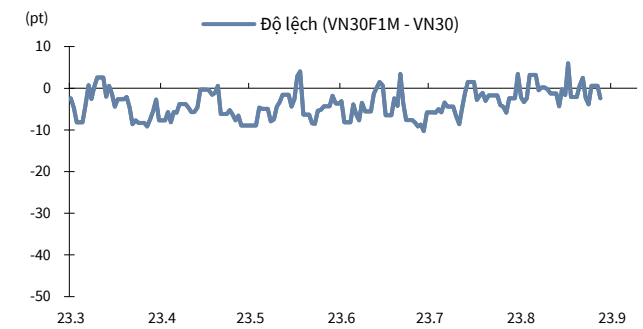
**KLGD (HĐ)**      **194,902 (-26.5%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



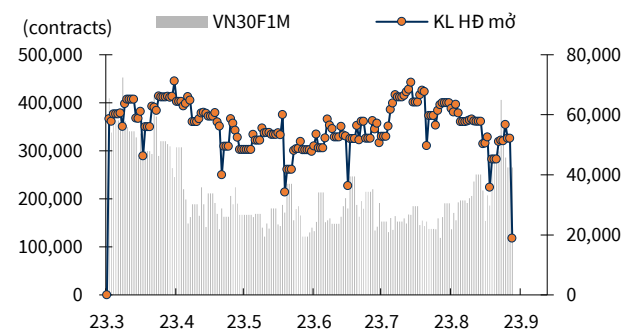
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



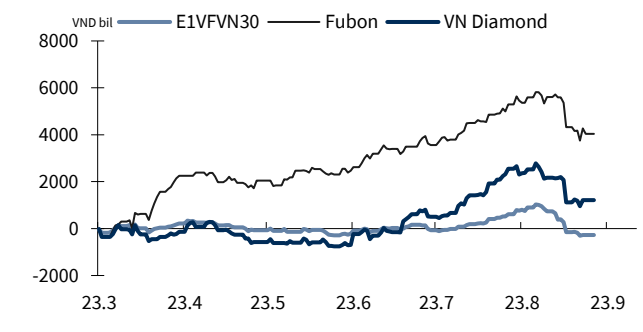
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

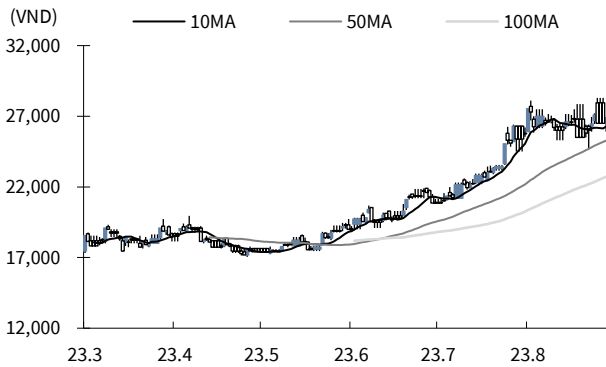
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG)

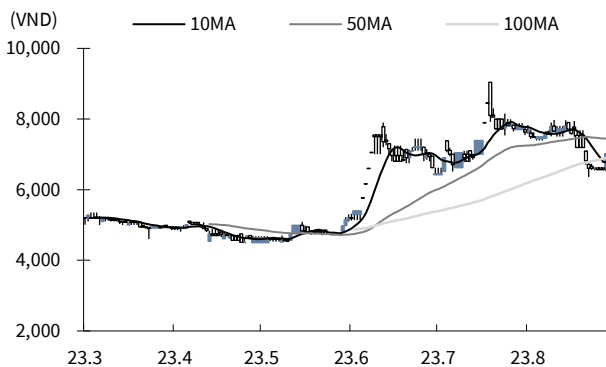


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG tăng 1.13% lên 26,800 VND/cp

- Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Tuyên Quang vừa công bố liên danh Vinaconex - 236 trúng gói thầu hơn 198 tỷ đồng thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ (tổng mức đầu tư 3,712.97 tỷ đồng), thời gian thực hiện 3 tháng. Gói thầu dự kiến hoàn thành cuối năm 2023, có chiều dài hơn 40 km.

## CTCP Thép Pomina (POM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POM tăng 6.85% lên 7,020 VND/cp

- Công ty Cổ phần Thép Pomina (POM), nhà máy luyện cán thép lớn nhất phía Nam, dự kiến khôi phục hoạt động Nhà máy luyện phôi thép lò điện Pomina 3 vào tháng 10 năm nay để đáp ứng nhu cầu đầu tư công gia tăng mạnh vào cuối năm. Pomina cũng dự kiến khôi phục hoạt động lò cao vào đầu năm 2024 để hỗ trợ sự phục hồi của các dự án bất động sản.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Áp lực bán suy yếu cùng với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên giúp cho chỉ số một sớm hồi phục trở lại sau một nhịp điều chỉnh giảm co. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục của VNIndex vẫn tiếp tục hiện hữu, chỉ số sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh trở lại quanh ngưỡng cản gần 1210 (+-5).
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và chỉ mua trở lại trong các nhịp điều chỉnh về quanh các vùng hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1222 - 1225

Kháng cự gần: 1213 - 1215

Hỗ trợ gần: 1206 - 1208

Hỗ trợ xa: 1198 - 1202

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Áp lực bán suy yếu cùng với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên giúp cho chỉ số một sớm hồi phục trở lại sau một nhịp điều chỉnh giảm co. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục của F1 vẫn tiếp tục hiện hữu, chỉ số sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh trở lại quanh ngưỡng cản gần 1220 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

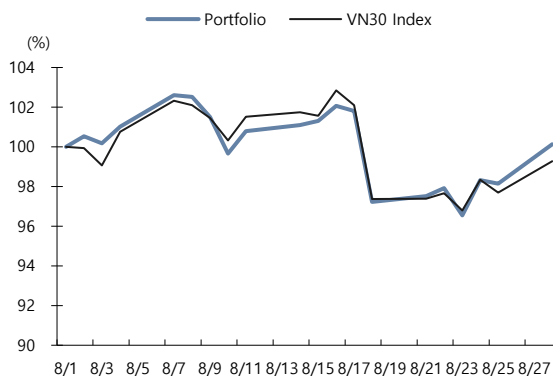
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.63%	2.02%
Tăng lũy kế (YTD)	-0.72%	0.13%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/08/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Vietcombank (VCB)	01/08/2023	87,000	0.9%	-4.6%	- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao so với toàn ngành, giúp linh hoạt trong việc giảm dự phòng. - NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ - Tham gia tái cấu trúc TCTC yếu kém sẽ giúp ngân hàng được cấp room tín dụng ~14%.
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	25,500	1.2%	-8.6%	- Quy hoạch điện VIII phê duyệt giúp BLNG có thể được cải thiện lên 11% trong 2023 - Nhà máy khai thác Nickel tại Cao Bằng đã vận hành trong T4/2023 - PC1 dự kiến bàn giao toàn bộ 54 căn hộ thấp tầng tại dự án Gia Lâm trong 2023
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/08/2023	79,500	1.5%	-1.9%	- Ngành bán lẻ phục hồi sức mua theo nền kinh tế nhờ các hỗ trợ tài khóa và tiền tệ - Kỳ vọng BLNG cải thiện: 1) cơ cấu DM sản phẩm và 2) giảm bớt chính sách khuyến mại - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh Kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Techcombank (TCB)	01/08/2023	34,000	1.0%	0.0%	- Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhờ vào hoạt động bán buôn - NIM chưa phục hồi nhưng CASA được cải thiện, đạt 35% so với 1Q23 là 32% - P/B đang giao dịch ở mức 0.98 lần. Thấp hơn trung bình ngành là 1.63
PV Power (POW)	01/08/2023	12,700	1.6%	-5.6%	- Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang sửa chữa được dự kiến được quay trở lại vào quý 4/2023 - Nhu cầu phụ tải điện có xu hướng tăng trong khi thủy điện khó bù đắp sản lượng - Động lực tăng trưởng dài hạn đến từ 2 nhà máy nhiệt điện khí NT3 và NT4
FPT Corp (FPT)	01/08/2023	94,000	3.8%	11.2%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Viettel Post (VTP)	01/08/2023	41,700	4.0%	1.5%	- VTP kỳ vọng cải thiện BLNG mảng dịch vụ lên 7.8% nhờ tập trung vào tối ưu hóa chi phí - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần của VTP lên 21% - VTP dành nhiều nguồn lực cho việc mở rộng thị trường phân khúc khách hàng lớn
Kinh Bắc Group (KBC)	01/08/2023	32,300	2.2%	0.8%	- KBC kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Quỹ đất mới được phê duyệt 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn - KĐT Trảng Cát và KCN Trảng Duệ 3 được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh tiến độ
Sacombank (STB)	01/08/2023	31,650	1.8%	9.3%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi suất; (2) Thanh khoản được cải thiện - Tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	19,000	2.2%	-2.1%	- Mức crack spread có thể được cải thiện từ mùa cao điểm ở thị trường Trung Quốc và Mỹ. - Kế hoạch hoàn bảo dưỡng nhà máy có thể giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	5.0%	13.5%	120.0
DXG	5.2%	18.5%	84.4
VNM	4.0%	54.7%	79.8
KDC	1.4%	17.5%	63.6
FRT	4.9%	33.3%	44.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	0.5%	27.7%	-105.3
MWG	2.4%	48.9%	-95.9
CTG	0.0%	26.3%	-62.4
SSI	0.8%	46.1%	-60.4
DPM	3.3%	15.4%	-40.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	2.7%	10.5%	4.9
BVS	2.6%	6.9%	4.6
CEO	0.4%	3.8%	1.5
SHS	2.4%	11.6%	0.9
IDC	0.9%	1.1%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	-1.4%	0.6%	-15.3
TNG	-0.5%	20.8%	-2.5
DTD	-1.1%	4.9%	-1.9
PVS	0.9%	19.8%	-1.6
NVB	1.4%	8.0%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	9.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Công nghệ	9.2%	FPT, CMG, ELC
Hóa chất	9.0%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	8.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	6.8%	DIG, HDG, VCG, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-2.1%	TLG, ILB, APC, ST8
Ngân hàng	-1.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Sản xuất điện	-0.8%	POW, VSH, GEG, TMP
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.7%	AST, VNG, DSN, DAH
Quản lý & phát triển bất động sản	-0.5%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	34.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Công nghệ	15.4%	FPT, CMG, ELC
Chứng khoán	8.5%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	6.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Quản lý & phát triển bất động sản	5.4%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-11.0%	TNH, JVC, VMD
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-8.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Sản phẩm xây dựng	-8.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng hải	-5.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Đầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.5%	PLX, PGC, CNG, GSP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,036,394 (43.5)	22.5	76.6	71.7	14.7	2.9	2.9	2.2	2.1	1.9	-1.7	25.6	20.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	318,649 (13.4)	26.6	7.0	6.5	35.9	20.7	19.1	1.4	1.2	1.1	-2.3	-7.1	14.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	236,646 (9.9)	17.8	17.2	16.3	-7.6	11.5	10.6	1.8	1.7	3.7	0.8	3.3	13.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	924,258 (38.8)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.1	1.1	3.1	8.1	9.0	42.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	71,125 (3.0)	11.6	27.3	24.6	13.7	8.2	8.2	1.9	1.9	2.7	4.6	-3.4	34.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	553,477 (23.2)	13.9	41.1	43.4	-	3.7	3.4	1.4	1.4	5.2	16.6	16.6	73.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	117,225 (4.9)	6.3	14.4	11.9	11.7	23.7	22.5	2.7	2.1	0.9	-3.1	-6.5	28.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	91,016 (3.8)	12.7	11.1	9.0	-5.3	19.1	19.0	2.0	1.6	0.4	-0.4	-2.8	17.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	225,001 (9.4)	0.0	6.5	5.1	14.3	15.0	16.3	0.9	0.8	1.0	3.8	0.6	31.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	261,872 (11.0)	1.4	8.4	7.3	50.3	16.4	17.2	1.2	1.0	0.0	-2.7	5.6	14.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	398,043 (16.7)	0.0	9.4	7.1	18.8	11.4	12.9	1.2	1.1	0.5	-2.4	-8.1	13.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	182,640 (7.7)	0.0	5.0	4.1	14.6	23.0	22.4	1.0	0.8	0.6	0.3	-2.7	22.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	45,661 (1.9)	4.2	5.1	4.5	23.3	22.7	21.0	1.1	0.9	0.3	0.6	-5.5	17.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	828,300 (34.8)	14.0	7.9	5.2	26.5	18.6	23.5	1.3	1.0	1.8	-0.5	10.5	40.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	150,979 (6.3)	0.0	7.3	6.3	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	0.8	2.7	1.6	25.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	254,277 (10.7)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	6.3	10.9	24.7	9.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,782 (1.8)	21.0	16.1	14.7	15.8	11.3	10.3	1.6	1.5	0.0	0.7	-3.8	-3.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,632 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	1.1	4.6	9.1	31.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	776,192 (32.5)	55.4	18.7	16.7	-3.2	13.6	11.9	1.9	1.7	0.8	12.5	9.1	83.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	201,294 (8.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.9	8.9	1.6	89.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	170,758 (7.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.0	6.0	-2.1	51.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	720,271 (30.2)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	1.6	8.6	9.4	64.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	265,801 (11.2)	42.1	18.9	16.1	4.0	29.4	32.3	5.4	5.5	4.0	6.9	0.6	2.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	40,624 (1.7)	36.9	24.3	21.2	7.3	19.4	19.7	3.9	3.5	0.1	2.4	-0.4	-6.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	187,082 (7.9)	16.5	50.5	27.6	-51.9	8.0	13.9	6.3	5.4	1.3	2.9	-6.3	-13.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	27,168 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.5	1.5	-2.4	-2.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	89,860 (3.8)	11.0	56.2	25.8	-88.5	6.4	13.2	3.4	2.9	1.0	2.1	0.2	-10.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	69,656 (2.9)	10.8	10.0	15.1	-57.0	29.6	12.8	1.9	1.8	0.4	2.4	-3.8	22.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	262,276 (11.0)	38.4	17.0	13.9	65.7	2.4	3.8	1.0	1.0	2.7	6.3	3.9	64.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	436,426 (18.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.8	9.3	1.8	85.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	83,588 (3.5)	3.6	24.2	25.6	-52.4	-0.2	2.4	0.6	0.6	0.0	5.4	-15.2	89.7
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	55,367 (2.3)	0.0	10.1	9.2	-4.5	14.9	14.8	1.5	1.3	2.4	3.3	-7.4	1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	55,987 (2.4)	46.1	16.4	15.6	-17.5	18.5	18.0	3.1	2.8	1.8	4.1	3.7	1.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,759 (0.9)	31.4	12.1	10.9	-10.5	13.7	16.2	1.7	1.7	0.4	0.4	-5.6	-4.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,838 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	2.9	4.4	-5.0	12.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	809,322 (34.0)	18.0	21.2	12.0	21.9	7.4	12.5	1.5	1.4	3.5	2.5	-5.1	49.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	134,154 (5.6)	36.5	9.4	9.8	-0.5	11.0	11.8	1.0	1.1	3.3	-9.3	-6.1	-15.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	142,674 (6.0)	46.5	13.8	9.1	-4.5	11.6	17.6	1.7	1.5	4.9	5.7	11.8	28.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	262,230 (11.0)	38.9	-	16.7	67.9	3.0	7.1	1.2	1.1	3.2	4.1	-0.5	71.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	113,347 (4.8)	97.2	14.9	12.8	17.2	6.2	7.2	-	-	0.5	2.4	-14.2	55.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	63,631 (2.7)	4.6	16.4	15.0	-51.0	12.9	11.9	1.9	1.8	1.6	1.7	-4.7	20.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	112,719 (4.7)	39.9	35.5	21.3	-11.9	4.9	8.0	1.0	0.9	-0.2	2.5	-7.0	37.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	81,908 (3.4)	35.9	8.3	7.7	2.2	15.0	14.5	1.1	1.0	0.5	-0.7	-7.4	-1.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	390,329 (16.4)	0.0	49.1	15.8	14.4	7.3	17.5	3.1	2.7	2.4	5.5	-5.1	20.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	60,943 (2.6)	0.0	14.7	12.2	2.4	20.2	21.6	2.8	2.4	1.5	0.6	-3.8	-11.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,643 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.7	4.8	-6.8	47.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	107,062 (4.5)	30.3	52.3	24.9	-75.2	10.7	18.3	4.9	4.2	4.9	11.1	3.2	34.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,905 (1.0)	34.6	11.9	13.7	41.2	15.9	13.4	1.9	1.9	1.9	4.3	-6.7	24.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,842 (0.2)	45.4	13.4	12.6	10.7	25.4	23.8	3.1	2.7	0.5	1.1	-0.6	37.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	170,469 (7.1)	0.0	20.1	16.3	15.5	28.1	30.8	5.1	4.2	3.8	9.4	11.4	40.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

